

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 4 năm 2022

DANH SÁCH ĐIỂM THI

PHẦN IV: ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ
CÁC LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

LỚP TCLLCT-HC HỆ KTT KHÓA 14, TẠI ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Vũ Thị Quỳnh Anh	1	23	8,5	Tám rưỡi	
2	Bùi Thị Tú Anh	2	47	7,5	Bảy rưỡi	
3	Trần Tuấn Anh	3	-	-	-	Vắng thi
4	Lê Thị Vân Anh	4	05	7,5	Bảy rưỡi	
5	Nguyễn Thị Thanh Bình	5	04	7,5	Bảy rưỡi	
6	Phạm Thị Châm	6	55	7,0	Bảy	
7	Trần Thị Thùy Chi	7	26	7,5	Bảy rưỡi	
8	Triệu Văn Chính	8	58	7,5	Bảy rưỡi	
9	Nguyễn Văn Công	9	10	7,0	Bảy	
10	Vũ Mạnh Cường	10	49	7,5	Bảy rưỡi	
11	Hoàng Đức Dân	11	36	7,0	Bảy	
12	Trần Văn Diện	12	53	6,0	Sáu	
13	Đào Văn Doanh	13	69	6,5	Sáu rưỡi	
14	Nguyễn Văn Dũng	14	43	7,5	Bảy rưỡi	
15	Nguyễn Văn Duy	15	28	7,0	Bảy	
16	Chu Thị Duyên	16	14	8,0	Tám	
17	Hoàng Công Định	17	75	7,5	Bảy rưỡi	
18	Phạm Thị Định	18	12	8,0	Tám	
19	Hoàng Văn Giang	19	70	7,0	Bảy	
20	Hoàng Mai Giang	20	35	7,5	Bảy rưỡi	
21	Chu Thị Thanh Giang	21	65	8,0	Tám	
22	Đỗ Thị Hạnh	22	02	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
23	Hoàng Thị Hạnh	23	44	7,5	Bảy rưỡi	
24	Đàm Thị Hằng	24	63	7,5	Bảy rưỡi	
25	Nguyễn Thị Hào	25	67	8,0	Tám	
26	Phan Thị Hiền	26	19	7,0	Bảy	
27	Dương Thị Hiệp	27	59	7,5	Bảy rưỡi	
28	Trần Trung Hiếu	28	27	8,0	Tám	
29	Lê Thị Quế Hoa	29	25	8,0	Tám	
30	Nguyễn Ngọc Hoa	30	37	7,5	Bảy rưỡi	
31	Nguyễn Thị Hồng	31	-	-	-	Vắng thi
32	Nguyễn Thị Hoa Hồng	32	15	7,0	Bảy	
33	Trần Thị Huế	33	54	7,5	Bảy rưỡi	
34	Đàm Thị Thu Huệ	34	52	8,0	Tám	
35	Nguyễn Tiến Hùng	35	-	-	-	Vắng thi
36	Hoàng Thị Thu Hương	36	-	-	-	Vắng thi
37	Lê Lan Hương	37	08	8,0	Tám	
38	Lương Thị Thu Hương	38	20	7,0	Bảy	
39	Nguyễn Thị Hương	39	29	8,0	Tám	
40	Trần Duy Hường	40	68	8,0	Tám	
41	Nguyễn Hạnh Huyền	41	03	7,0	Bảy	
42	Nguyễn Thị Huyền	42	31	7,5	Bảy rưỡi	
43	Đặng Văn Lân	43	24	7,0	Bảy	
44	Bùi Thị Hồng Lê	44	33	8,0	Tám	
45	Trần Thị Liên	45	61	7,5	Bảy rưỡi	
46	Nguyễn Thị Hồng Linh	46	46	8,0	Tám	
47	Nguyễn Thị Mỹ Linh	47	22	7,5	Bảy rưỡi	
48	Lê Thị Ngọc Linh	48	09	7,5	Bảy rưỡi	
49	Trương Thị Loan	49	18	7,0	Bảy	
50	Nguyễn Thị Triệu Loan	50	81	7,0	Bảy	
51	Hoàng Thị Thu Loan	51	16	7,0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
52	Dương Thị Khánh Ly	52	30	8,0	Tám	
53	Dương Thị Lý	53	13	7,5	Bảy rưỡi	
54	Lê Thị Mến	54	74	7,0	Bảy	
55	Lê Minh	55	17	8,0	Tám	
56	Đặng Quang Minh	56	42	7,5	Bảy rưỡi	
57	Phạm Phương Nam	57	72	7,0	Bảy	
58	Đào Thị Nga	58	76	8,0	Tám	
59	Đinh Thị Ngân	59	79	7,5	Bảy rưỡi	
60	Lê Bảo Ngọc	60	21	7,0	Bảy	
61	Lương Thị Nhân	61	64	8,0	Tám	
62	Lương Thị Oanh	62	-	-	-	Vắng thi
63	Nguyễn Thị Lệ Quyên	63	51	7,0	Bảy	
64	Triệu Văn Quỳn	64	-	-	-	Vắng thi
65	Nông Thị Quỳnh	65	62	7,5	Bảy rưỡi	
66	Tạ Quang Thắng	66	60	7,0	Bảy	
67	Nguyễn Phương Thảo	67	66	7,5	Bảy rưỡi	
68	Hà Thị Thuận	68	34	7,0	Bảy	
69	Phan Văn Thịnh	69	39	7,5	Bảy rưỡi	
70	Phạm Thị Thơ	70	50	7,5	Bảy rưỡi	
71	Trần Thị Thương	71	01	7,5	Bảy rưỡi	
72	Nguyễn Phương Thùy	72	73	6,5	Sáu rưỡi	
73	Chu Thanh Thủy	73	11	7,0	Bảy	
74	Lê Thị Chung Thủy	74	56	6,5	Sáu rưỡi	
75	Phạm Thị Toàn	75	32	7,5	Bảy rưỡi	
76	Đỗ Huy Trinh	76	76	7,0	Bảy	
77	Nguyễn Thị Thùy Trinh	77	06	8,0	Tám	
78	Vũ Văn Trung	78	40	7,0	Bảy	
79	Đỗ Huy Trường	79	80	7,5	Bảy rưỡi	
80	Triệu Văn Tuấn	80	71	7,0	Bảy	
81	Nguyễn Thị Tươi	81	77	7,0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
82	Trần Văn Tuyên	82	78	6,5	Sáu rưỡi	
83	Đào Văn Ước	83	48	7,5	Bảy rưỡi	
84	Trịnh Hồng Uyên	84	45	8,0	Tám	
85	Nguyễn Hồng Vân	85	41	8,0	Tám	
86	Nguyễn Xuân Vinh	86	07	7,5	Bảy rưỡi	
87	Trần Văn Vịnh	87	82	7,0	Bảy	
88	Dương Thị Hải Yến	88	38	8,0	Tám	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Vân

**KHOA XĐĐ
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên